

**Biểu số 01**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Trung ương giao	Địa phương giao	Địa phương giao Tăng (+) /Giảm (-) so với Trung ương giao	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	1.095.720	2.282.837	1.187.117	
	<b>VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	1.095.720	2.282.837	1.187.117	
1	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</b>	1.027.220	2.214.337	1.187.117	
	<i>Trong đó:</i>				
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	547.220	547.220		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	400.000	1.587.117	1.187.117	
+	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất theo mức vốn cân đối của Bộ Tài chính</i>	400.000	400.000		
+	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản từ dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm</i>		1.187.117	1.187.117	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000	80.000		
2	<b>Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (*)</b>	68.500	68.500		

Ghi chú:

(\*): Thực hiện theo Nghị quyết về Kế hoạch vay và trả nợ công năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Biểu số 02**  
**CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương			Lũy kế kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố trí			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>				7.334.352	5.304.646	4.867.831	78.000		1.396.944	102.000		2.214.337	134.359		
A	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 28/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)</b>				1.574.078	770.070	1.843.159			904.481	26.000		547.220			
I	<b>PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>						1.175.955			647.889			225.000			<b>Chi tiết tại Biểu 03</b>
II	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				1.574.078	770.070	667.204			256.592	26.000		322.220			
II.1	<b>BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>				899.002	144.994	105.884			48.747	6.000		31.044			
(a)	<i>Dự án ODA</i>				899.002	144.994	75.884			48.747	6.000		16.044			
(1)	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>				564.145	69.732	45.884			39.747			6.044			
1	Đổi ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	669-14/7/2017	564.145	69.732	45.884			39.747			6.044			
(2)	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>				334.857	75.262	30.000			9.000	6.000		10.000			
1	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Kon Tum	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh	148/TTg-QHQT, 02/02/2021; 271-31/5/2023	334.857	75.262	30.000			9.000	6.000		10.000			
b)	<b>Đổi ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>Các chủ đầu tư</b>	<b>Toàn tỉnh</b>				30.000						15.000			
II.2	<b>NHIỆM VỤ QUY HOẠCH / NHIỆM VỤ KHÁC</b>				4.000	4.000	21.402			1.600			17.400			
1	Xây mới, mở rộng và nâng cấp các Nghĩa trang liệt sĩ và nhà bia tưởng niệm liệt sĩ, thay bia mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Toàn tỉnh	55-13/6/2023	4.000	4.000	6.402			1.600			2.400			
-	<i>Trong đó: Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ huyện Ia H'Drai (Nhà bia và các hạng mục phụ trợ)</i>	<i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i>	<i>Ia H'Drai</i>	<i>55-13/6/2023</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>							2.400			
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				15.000						15.000			<b>Chi tiết tại Biểu 03</b>
II.3	<b>TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH</b>	<b>Các chủ đầu tư</b>					22.700			4.500			16.000			
II.4	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP</b>				671.076	621.076	517.218			201.745	20.000		257.776			
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2024</i>				568.139	518.139	414.863			201.745	20.000		178.972			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương		Lũy kế kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố trí		Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương		Ghi chú			
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024</b>				<b>438.139</b>	<b>388.139</b>	<b>310.587</b>			<b>184.245</b>	<b>20.000</b>	<b>123.972</b>				
1	Xây mới 04 hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh	BQL Khu BTTN Ngọc Linh	Đăk Glei	NQ 54-29/4/2021; 677-30/12/2021	38.000	38.000	36.000			17.000		19.000				
2	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình, lưu trữ và truyền dẫn phát sóng phát thanh	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Kon Tum	135-27/10/2022	10.535	10.535	10.365			9.082		1.283				
3	Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1387-12/12/2018; 1465-23/12/2019 939-25/9/2020	99.500	99.500	88.800			57.137		31.663				
4	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị bàn, ghế và các trang thiết bị khác tại Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	190-31/12/2022	9.833	9.833	9.936			2.566		5.000				
5	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	NQ 10-12/3/2021; 622-01/12/2021	50.000	50.000	45.000			20.000		25.000				
6	Cầu qua sông Đăk Blà tại thôn 12, xã Đăk Rừng, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	NQ 09-12/3/2021; 623-01/12/2021	50.000	50.000	45.000			38.000		7.000				
7	Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	NQ 62-09/12/2021; 571-06/9/2022; 694-14/11/2022	18.036	18.036	17.886			7.460		10.426				
8	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673	Sở Giao thông vận tải	Đăk Glei	NQ 30-09/7/2021; 235-22/3/2022	162.235	112.235	57.600			33.000	20.000	24.600				
(2)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>130.000</b>	<b>130.000</b>	<b>104.276</b>			<b>17.500</b>		<b>55.000</b>				
1	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1388-12/12/2018; 1461-23/12/2019; 632-03/12/2021	90.000	90.000	79.500			13.000		40.000				
2	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ia H'Drai	NQ 03-09/7/2021; 1781-18/11/2022	40.000	40.000	24.776			4.500		15.000				
b)	<b>Dự án khởi công mới trong năm 2024</b>				<b>102.937</b>	<b>102.937</b>	<b>102.355</b>					<b>78.804</b>				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</b>				<b>25.282</b>	<b>25.282</b>	<b>24.700</b>					<b>24.700</b>				
1	Đầu tư hệ thống thiết bị xe truyền hình lưu động tiêu chuẩn HD	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Kon Tum	NQ 50-29/4/2021; 584-24/11/2023	25.282	25.282	24.700					24.700				
(2)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>77.655</b>	<b>77.655</b>	<b>77.655</b>					<b>54.104</b>				
1	Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 22/3-23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	Cơ quan thường trực BCĐ công tác biên giới (Sở Ngoại vụ)	Ia H'Drai	563-14/11/2023	38.840	38.840	38.840					30.000				
2	Cơ sở huấn luyện dự bị động viên/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đăk Tô	NQ 55-29/4/2021; 174-28/4/2023; 582-24/11/2023	38.815	38.815	38.815					24.104				
<b>B</b>	<b>NGUỒN THU XỐ SỐ KIẾN THIẾT</b>				<b>356.322</b>	<b>298.869</b>	<b>182.178</b>			<b>15.816</b>		<b>80.000</b>				
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>				<b>337.226</b>	<b>279.773</b>	<b>164.178</b>			<b>2.816</b>		<b>75.000</b>				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương		Lũy kế kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố trí		Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương		Ghi chú			
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang năm 2024</b>				62.900	5.447	5.447			2.816		2.631				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024</b>				62.900	5.447	5.447			2.816		2.631				
1	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	Sở Y tế	Toàn tỉnh	1178-30/11/2020	62.900	5.447	5.447			2.816		2.631				
b)	<b>Dự án khởi công mới trong năm 2024</b>				274.326	274.326	158.731					72.369				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>				274.326	274.326	158.731					72.369				
1	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh (giai	Sở Y tế	Kon Tum	585-24/11/2023	274.326	274.326	158.731					72.369				
II	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b>				19.096	19.096	18.000			13.000		5.000				
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang năm 2024</b>				19.096	19.096	18.000			13.000		5.000				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024</b>				19.096	19.096	18.000			13.000		5.000				
1	Trung bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018; 126-16/3/2022	19.096	19.096	18.000			13.000		5.000				
C	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				5.403.952	4.235.707	2.842.494	78.000		476.647	76.000	1.587.117	134.359			
I	<b>PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG</b>											352.000		Chi tiết tại Biểu 03		
II	<b>CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b>											40.000				
II.1	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố											20.000		Chi tiết tại Biểu 03		
II.2	Chi quản lý đất đai tại tỉnh											20.000				
III	<b>BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT</b>											8.000				
IV	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THUẾ ĐẤT, TIỀN BÁN TÀI SẢN TỪ DỰ ÁN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT TỈNH GIAO TẶNG THÊM (PHÂN BỐ THEO TIẾN ĐỘ NGUỒN THU</b>				5.403.952	4.235.707	2.842.494	78.000		476.647	76.000	1.187.117	134.359			
IV.1	<b>PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG (dự toán giao tặng thêm - chi theo tiến độ nguồn thu)</b>											88.000				
IV.2	<b>CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b>											130.593				
-	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố											39.000		Chi tiết tại Biểu 03		
-	Chi quản lý đất đai tại tỉnh											91.593				
IV.3	<b>BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT</b>	<b>Các chủ đầu tư</b>	<b>Toàn tỉnh</b>									22.553				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương			Lũy kế kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố trí			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú	
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
IV.4	<b>CHI ĐÈN BÙ GPMB CỦA CÁC DỰ ÁN MÀ NHÀ ĐẦU TƯ ĐÃ TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC</b>	<b>Quý phát triển đất</b>	Kon Tum														
IV.5	<b>PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN</b>				5.403.952	4.235.707	2.842.494	78.000		476.647	76.000	915.971	134.359				
I	<b>BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSTW</b>				1.779.055	643.170	479.513			66.589		175.000	10.000				
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang năm 2024</b>				1.779.055	643.170	479.513			66.589		175.000	10.000				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024</b>				479.055	243.170	219.513			66.589		125.000					
1	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình,	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	NQ 66-29/4/2021; 747-05/11/2021	129.513	82.513	82.513			25.000		57.500					
2	Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	BQL các dự án 98	Kon Tum	868-30/10/2013; 1057-30/10/2015	236.767	118.384	106.000			28.130		50.000					
3	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	Sở Y tế	Ia H'Drai	NQ 71-09/12/2020; NQ 13-05/7/2021; 467-28/5/2021	112.775	42.273	31.000			13.459		17.500					
(2)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao sau năm 2024</b>				1.300.000	400.000	260.000					50.000	10.000				
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Plong	NQ 17-29/4/2021; 683-30/12/2021	1.300.000	400.000	260.000					50.000	10.000				
II	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP</b>				3.624.897	3.592.537	2.362.981	78.000		410.057	76.000	740.971	124.359				
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang năm 2024</b>				3.624.897	3.592.537	2.362.981	78.000		410.057	76.000	740.971	124.359				
(1)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024</b>				643.046	643.046	511.031			182.243		318.872	5.900				
1	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	910-28/10/2015; 51-25/01/2021	75.000	75.000	66.800			56.151		10.649					
2	Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	NQ 41-29/4/2021; 256-11/5/2022	245.000	245.000	220.500			106.092		114.000					
3	Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla gần với chính trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	294-02/4/2019; 728-15/7/2019	57.000	57.000	24.300			7.000		9.000					
4	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gần với chính trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	293-02/4/2019; 726-15/7/2019	87.000	87.000	48.300			10.000		38.300					
5	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	205-27/02/2019; 147-08/3/2021	35.083	35.083	31.500			3.000		28.000					
6	Chỉnh trang đô thị, di dời Bến xe Kon Tum về phía Bắc Thành phố Kon Tum theo quy hoạch (cấp nhất di dời Cửa hàng	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	1230-09/12/2020; 290-14/4/2021	16.923	16.923	16.923					16.923					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương			Lũy kế kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã bố trí			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
7	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngọc Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1452a-30/11/2016; 1153-31/10/2017; 277-16/5/2022	127.040	127.040	102.708					102.000	5.900			
(2)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>2.981.851</b>	<b>2.949.491</b>	<b>1.851.950</b>	<b>78.000</b>		<b>227.814</b>	<b>76.000</b>	<b>422.099</b>	<b>118.459</b>			
1	Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch Ngọc Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1451-29/12/2017; 889-22/8/2018	100.000	100.000	93.000	2.000		170		2.000	2.000			
2	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	985-13/9/2019; 826-06/9/2021	457.126	457.126	340.000			17.993		100.000	40.000			
3	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	510-22/5/2019; 1172-23/10/2019	197.223	197.223	183.700	30.000		84.000	15.000	11.266	11.266		Hoàn thành Hợp phần 1	
4	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	BQL Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	939-03/9/2019; 1125-16/10/2019	272.240	272.240	241.250	34.000		51.236	34.000	70.000				
5	Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	NQ 52-29/4/2021; 1066-15/11/2021	86.550	70.000	70.000					25.000				
6	Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đông Trường Sơn	UBND huyện Kon Plong	Kon Plong	NQ 31-09/7/2021; 485-24/8/2022	60.810	45.000	45.000					25.000				
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)	UBND huyện Đăk Tô	Đăk Tô	NQ 53-29/4/2021; 36-27/01/2023	99.620	99.620	90.000					25.000				
8	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	204-27/02/2019; 147-08/3/2021	108.937	108.937	105.000			15.000		50.000				
9	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rô Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	206-27/02/2019; 239-30/3/2021	383.993	383.993	364.000			20.500	15.000	93.833	65.193			
10	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Trần Phú đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1058-30/10/2015	605.689	605.689	160.000	6.000		19.804	6.000	10.000				
11	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1057-30/10/2015	609.663	609.663	160.000	6.000		19.112	6.000	10.000				

**Biểu số 03**

**PHÂN CẤP, HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2024**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg								Thu tiền sử dụng đất				Ghi chú
			Tổng	Trong đó:							Tổng số	Trong đó			
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển các vùng kinh tế động lực	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các công trình cấp bách	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã		Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và	
	<b>Tổng số</b>	739.000	240.000	81.791	56.709	28.000	21.000	30.000	7.500	15.000	499.000	440.000	20.000	39.000	
1	<b>Phân cấp ngân sách huyện được hưởng theo dự toán giao cân đối</b>	612.000	240.000	81.791	56.709	28.000	21.000	30.000	7.500	15.000	372.000	352.000	20.000		
1	Thành phố Kon Tum	268.912	88.760	16.410	30.000	4.000	7.000	30.000		1.350	180.152	176.352	3.800		
2	Huyện Đăk Hà	38.775	19.375	7.025		4.000	7.000			1.350	19.400	17.600	1.800		
3	Huyện Đăk Tô	35.221	20.221	7.371		2.000	7.000		2.500	1.350	15.000	13.200	1.800		
4	Huyện Tu Mơ Rông	13.528	11.640	7.590		2.700				1.350	1.888	88	1.800		
5	Huyện Ngọc Hồi	35.546	11.746	7.396		3.000				1.350	23.800	22.000	1.800		
6	Huyện Đăk Glei	23.300	13.580	8.030		2.700				2.850	9.720	7.920	1.800		
7	Huyện Sa Thầy	34.982	11.182	7.832		2.000				1.350	23.800	22.000	1.800		
8	Huyện Ia H'Drai	16.076	9.876	5.926		2.600				1.350	6.200	4.400	1.800		
9	Huyện Kon Rẫy	15.678	13.438	6.588		3.000			2.500	1.350	2.240	440	1.800		
10	Huyện Kon Plông	129.982	40.182	7.623	26.709	2.000			2.500	1.350	89.800	88.000	1.800		

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg							Thu tiền sử dụng đất				Ghi chú	
			Tổng	Trong đó:						Tổng số	Trong đó				
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 63/2020/N Q-HĐND	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển các vùng kinh tế động lực	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư các công trình cấp bách		Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và
II	<b>Phân cấp ngân sách huyện được hưởng theo dự toán giao tăng thêm (chi theo tiến độ)</b>	127.000									<b>127.000</b>	<b>88.000</b>		<b>39.000</b>	
1	Thành phố Kon Tum	91.300									91.300	88.000		3.300	
	<i>Chi đầu tư từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất so với dự toán trung ương giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà</i>	88.000									88.000	88.000			
2	Huyện Đăk Hà	4.300									4.300			4.300	
3	Huyện Đăk Tô	4.300									4.300			4.300	
4	Huyện Tu Mơ Rông	3.800									3.800			3.800	
5	Huyện Ngọc Hồi	4.300									4.300			4.300	
6	Huyện Đăk Glei	3.800									3.800			3.800	
7	Huyện Sa Thầy	3.800									3.800			3.800	
8	Huyện Ia H'Drai	4.000									4.000			4.000	
9	Huyện Kon Rẫy	3.400									3.400			3.400	
10	Huyện Kon Plông	4.000									4.000			4.000	



**Biểu số 04**

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê		Nhóm dự án	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sau khi được điều chỉnh	Nguyên nhân
				Số, ngày tháng năm phê duyệt	TMĐT				
I	<b>Dự án do cấp tỉnh quản lý</b>				<b>1.549.264</b>				
1	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ- phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	985-13/9/2019; 826/06/9/2021	457.126	B	2020-2023	2020-2025	Dự án chậm tiến độ thực hiện do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và nguồn thu hàng năm không đảm bảo
2	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	726-15/7/2019	87.000	B	2020-2023	2020-2024	Dự án chậm tiến độ thực hiện do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và nguồn thu hàng năm không đảm bảo
3	Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	728-15/7/2019	57.000	B	2020-2023	2020-2024	Nguồn thu tiền sử dụng đất hàng năm chưa đảm bảo
4	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	206-27/02/2019; 239-03/3/2021	383.993	B	2020-2023	2020-2025	Dự án chậm tiến độ thực hiện do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và nguồn thu hàng năm không đảm bảo
5	Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	669-14/7/2017	564.145	B	2019-2023	2019-2024	Hiện nay đang trình Bộ Tài chính xin gia hạn Hiệp định vay
II	<b>Dự án do cấp huyện quản lý</b>				<b>570.659</b>				
1	Cải tạo nâng cấp đường Bà Triệu (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	2988-31/7/2019;2512-02/8/2021	26.348	C	2021-2023	2021-2024	Ngân sách thành phố không đảm bảo bố trí
2	Trường TH-THCS Kroong (cơ sở tiểu học), thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	3053-01/12/2020	10.800	C	2021-2023	2021-2024	Ngân sách thành phố không đảm bảo bố trí

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê		Nhóm dự án	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sau khi được điều chỉnh	Nguyên nhân
				Số, ngày tháng năm phê duyệt	TMĐT				
3	Cổng chào cửa ngõ thành phố Kon Tum (Cổng phía Bắc và phía Nam)	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	203-25/01/2021	8.800	C	2021-2023	2021-2024	Ngân sách thành phố không đảm bảo bố trí
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	3130-03/12/2020	30.232	C	2021-2023	2021-2025	Ngân sách thành phố không đảm bảo bố trí
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	2995-31/7/2019; 1588-3/7/2020; 2511-2/8/2021	70.838	C	2021-2023	2021-2025	Ngân sách thành phố không đảm bảo bố trí
6	Đường Trần Nhân Tông (đoạn Lê Hồng Phong - Phan Đình Phùng), TP Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	3245-25/10/18	20.085	C	2019	2019-2024	Vướng mắc trong công tác thực hiện giải phóng mặt bằng
7	San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	344-14/4/2021	21.280	C	2021-2023	2021-2024	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí
8	Trường THCS xã Đăk Pék	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	934-22/10/2021	5.667	C	2021-2023	2021-2024	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	190-12/4/2022	123.000	B	2020-2023	2020-2025	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí
10	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy.	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	73-20/01/2021	52.000	C	2021-2023	2021-2025	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí
11	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	630-19/7/2021	49.330	C	2021-2023	2021-2025	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí
12	Đường trung tâm thị trấn Plei Kăn	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	1123-10/10/2019	152.279	B	2020-2023	2020-2025	Ngân sách huyện không đảm bảo bố trí